

**CÔNG TY TNHH TM XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM XUẤT NHẬP KHẨU NHẬT MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT MINH TM IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT MINH IMPORT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109191602

**3. Ngày thành lập:** 21/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, Ngách 93/10, Ngõ 93 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                         | 1311        |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                | 1312        |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                              | 1313        |
| 4.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                              | 1391        |
| 5.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                               | 1392        |
| 6.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                             | 1393        |
| 7.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                    | 1394        |
| 8.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                               | 1399        |
| 9.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                       | 1410        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                     | 1420        |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                 | 1430        |
| 12. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                        | 1511        |
| 13. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                       | 1512        |
| 14. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                   | 1520        |
| 15. | Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da                                                                                                                                                                                | 2826        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 4610        |
| 17. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                 | 4641(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                      | 4649 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659 |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690 |
| 22. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4751 |
| 23. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4753 |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759 |
| 25. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 26. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4782 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                             | 4784 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791 |
| 29. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8230 |
| 30. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 33. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa; - Bán buôn gỗ cây và gỗ chế biến. - Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng; - Bán buôn clanhke - Bán buôn gạch xây, ngói lợp mái; - Bán buôn đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính phẳng, loại thường dùng trong xây dựng làm tường ngăn, cửa sổ, cửa ra vào... - Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm. - Bán buôn gạch lát sàn, gạch ốp tường; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác - Bán buôn đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su | 4663 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; - Bán lẻ dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, - Bán lẻ sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bán lẻ bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm, bột màu - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái; - Bán lẻ đá, cát, sỏi; - Bán lẻ gạch lát sàn, gạch ốp tường; - Bán lẻ bình đun nước nóng; - Bán lẻ thiết bị vệ sinh: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, thiết bị bồn tắm, thiết bị vệ sinh khác - Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su                                                                                                                                                                       | 4752 |
| 35. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ Bán buôn vàng và kim loại quý khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4662 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO QUỐC HUY   | Thôn Mạnh Chư, Xã An Đông, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam                     | 1.000.000.000         | 50,000    | 168279859                                                                                                                                         |         |
| 2   | LƯƠNG VĂN KIÊN | Tổ 30, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | 1.000.000.000         | 50,000    | 033094003216                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Ho và tên: ĐÀO QUỐC HUY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng thành viên*

Sinh ngày: 13/01/1988

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 168279859

Ngày cấp: 05/03/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Mạnh Chư, Xã An Đô, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Mạnh Chư, Xã An Đổ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

\* Ho và tên: LƯƠNG VĂN KIÊN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 24/01/1994

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 033094003216

Ngày cấp: 18/09/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 30, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 6, Ngách 93/10, Ngõ 93 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội